

Yên Mô, ngày 12 tháng 01 năm 2018

Số: 05/2018/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2017/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Xuân Đ**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thu T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Y, Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trịnh Xuân Đ và chị Đỗ Thu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trịnh Xuân Đ và chị Đỗ Thu T đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trịnh Xuân T, sinh ngày 08/11/2008, cháu Trịnh Xuân T1, sinh ngày 19/3/2011, anh Đ và chị T thỏa thuận khi ly hôn giao cháu T1 và cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T mỗi tháng, mỗi cháu 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu T1 và cháu T thành niên.

Anh Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu T1 và cháu T được chung sống với chị T và anh Đ có quyền được thăm nom chăm sóc con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Đ không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Trịnh Xuân Đ và chị Đỗ Thu T thống nhất vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trịnh Xuân Đ và chị Đỗ Thu T thỏa thuận để anh Đ nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đ phải nộp theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số án phí anh Đ phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001928 ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Bằng Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện Yên Mô (3);
- THADS huyện Yên Mô (1);
- UBND xã Ninh Phúc, Yên Nhân;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1); Lưu VP (1).